

BIỂU MẪU 01

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018- 2019

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	I. Phát triển thể chất - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể). - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.	I. Phát triển thể chất - Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhạy nẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế. - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay. - Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an

		II. Phát triển nhận thức - Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. - Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ, diễn đạt hiểu biết bằng câu nói đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. III. Phát triển ngôn ngữ - Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.	toàn của bản thân. II. Phát triển nhận thức - Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán. III. Phát triển ngôn ngữ - Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).
--	--	---	---

		- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện...	- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
--	--	---	--

			V. Phát triển thẩm mỹ - Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình Giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).	Chương trình Giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

			- Thực hiện nội dung “Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi” đưa vào kế hoạch giáo dục lớp Lá. - Bộ tiêu chí thực hành áp dụng quan điểm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm trong trường mầm non.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	I. Phát triển thể chất 1. Phát triển vận động - Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp. - Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tổ chất vận động ban đầu. - Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay. 2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe - Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt. - Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.	I. Phát triển thể chất 1. Phát triển vận động - Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp. - Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động. - Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt. 2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe - Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe. - Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. - Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và

		giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. II. Phát triển nhận thức - Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan. - Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.	giữ gìn sức khỏe. - Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh. II. Phát triển nhận thức 1. Khám phá khoa học - Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng. - Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. - Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau. 2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán - Nhận biết số đếm, số lượng. - Sắp xếp theo quy tắc. - So sánh hai đối tượng. - Nhận biết hình dạng. - Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian. 3. Khám phá xã hội - Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng. - Nhận biết một số nghề phổ biến và
--	--	--	--

		nghệ truyền thống ở địa phương. - Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. III. Phát triển ngôn ngữ - Nghe hiểu lời nói. - Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu. - Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp. IV. Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ - Biểu lộ sự nhận thức về bản thân. - Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi. - Thực hiện hành vi xã hội đơn giản. - Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.	nghệ truyền thống ở địa phương. - Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh. III. Phát triển ngôn ngữ - Nghe hiểu lời nói. - Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày. - Làm quen với việc đọc – viết. IV. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội - Thể hiện ý thức về bản thân. - Thể hiện sự tự tin, tự lực. - Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội. - Quan tâm đến môi trường. V. Phát triển thẩm mỹ - Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật. - Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình. - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động
--	--	--	---

			nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp vừa phải đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ. - Trang trí lớp thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây.	1. Môi trường vật chất - Phòng ốc thoáng mát, đủ ánh sáng, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt, ăn, ngủ, học tập và vui chơi cho trẻ. - Sĩ số học sinh/lớp vừa phải đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của trẻ. - Trang trí phòng lớp thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với chủ đề giáo dục. - Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ, sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục tiêu giáo dục. - Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định. - Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên. - Có sân chơi và

		thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.	thiết bị chơi ngoài trời (trên lầu, dưới nhà) và các trò chơi với cát, đất, sỏi, nước. - Có bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây. 2. Môi trường xã hội - Môi trường chăm sóc giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. - Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh. - Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. - Giáo viên đảm bảo có nghiệp vụ sư phạm, đạt và trên chuẩn đào tạo, có kiến thức và phương pháp cơ bản về giáo dục, chăm sóc sức khỏe trẻ mầm non.
--	--	---	---

Quận 1, ngày 20 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương Thảo

BIỂU MẪU 02

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2018 - 2019

Đơn vị tính: trẻ em

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	455		34	59	107	120	135
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em 2 buổi/ngày	455		34	59	107	120	135
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở	455		34	59	107	120	135
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	455		34	59	107	120	135
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	455		34	59	107	120	135
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	455		34	59	107	120	135
1	Số trẻ cân nặng bình thường	441		34	59	105	115	128
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0		0	0	0	0	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	455		34	59	107	120	135
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0		0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì			0	0	2	5	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	455		34	59	107	120	135
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	93		34	59			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	362				107	120	135

Quận 1, ngày 20 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương Thảo

BIỂU MẪU 03

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018 - 2019

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	13	Số m²/trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	1224.2	2.7 m ² / trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	608.05	1.34 m ² / trẻ
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	783.57	1.72 m ² / trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	783.57	1.72 m ² / trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	192.42	0.42 m ² / trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	270	0.6 m ² / trẻ
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất	60	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng	64,5	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	170	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	450	Số bộ/nhóm (lớp) Từ 30 - 40 bộ /lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13 bộ	
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	1 bộ	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...) - Máy vi tính - Máy chiếu - Máy ảnh kỹ thuật số - Máy in vi tính	23 01 01 14	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)

1	Ti vi	19	13 lớp +các phòng chức năng			
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	4				
3	Máy photocopy	1				
5	Cassette	7				
6	Đầu Video/đầu đĩa	13	1/1 lớp			
7	Thiết bị khác	0				
8	Đồ chơi ngoài trời	1				
9	Bàn ghế đúng quy cách	440 bộ	Từ 30 – 40 bộ / lớp			
		Số lượng (m ²)				
X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh	Số m ² /trẻ em		
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	31.81		192.42		0,42 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ GDĐT về Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet (ADSL)	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Quận 1, ngày 20 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương Thảo

BIỂU MẪU 04

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1

TRƯỜNG MẦM NON 20/10

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2018 - 2019**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			T S	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
A	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	47	/		24	5	7	11							
I	Giáo viên	27	/		23	4	/	/	4	6	17	9	17	1	
1	Nhà trẻ	7			6	1			1	2	4	2	5		
2	Mẫu giáo	20			17	3			3	4	13	7	12	1	
II	Cán bộ quản lý	3	/	/	3	/	/	/		1	2	3			
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2					1	1	2			
III	Nhân viên	17	/	/	/	/	6	11							
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1					1								
3	Thủ quỹ	1					1								
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác - Cấp dưỡng - Vệ sinh - Bảo vệ	8 3 3					3	5 3 3							

Quận 1, ngày 20 tháng 6 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Phương Thảo

